

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2025;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2025/TLST-HNGĐ về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” ngày 18 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1994; CCCD số: 034094002603 cấp ngày 19/04/2022; trú tại: H P, phường T, TP Đà Nẵng và bà Phạm Trần Kiều D; sinh năm 1996, CCCD số: 051196004544 cấp ngày 23/02/2022; trú tại: K H, phường A, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Trần Kiều D đăng ký kết hôn từ năm 2022 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là xã M, tỉnh Hưng Yên) theo quyết định số 17 ngày 08 tháng 7 năm 2025. Sau nhiều năm sống chung, hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Đ và bà D đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Trần Kiều D khai nhận có 01 con chung là Nguyễn Phạm Diễm N, sinh ngày 15/01/2023. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Phạm Diễm N, sinh ngày 15/01/2023 đến tuổi trưởng thành. Bà Phạm Trần Kiều D không cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ và bà D khai nhận không có.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Đ và bà D chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 22/9/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Trần Kiều D thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17 của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là xã M, tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Trần Kiều D khai nhận có 01 con chung là Nguyễn Phạm Diễm N, sinh ngày 15/01/2023. Hai bên đương sự thống nhất thoả thuận như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phạm Diễm N, sinh ngày 15/01/2023 đến tuổi trưởng thành, Bà Phạm Trần Kiều D không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ và bà D khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Trần Kiều D phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0002451** ngày **19/9/2025** của Thi hành án dân sự khu vực TP Đà Nẵng. Ông Đ và bà D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TPĐN;
- Phòng THADS KV 2 ĐN;
- UBND xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy